TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT
Ngày 06/02/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai
Bà Mai Vương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLPT-DS ngày 08/11/2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10/9/2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 153/QĐ-PT ngày 12/12/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 37/TB-TA ngày 26/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐ-PT ngày 09/01/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng A - Địa chỉ trụ sở chính: số 02 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình C - Giám đốc A - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Ông Trần Đình C ủy quyền cho ông Ngô Việt C - Phó Giám đốc A Chi nhánh Nam Đà Nẵng; ông Phạm Xuân C - Phó trưởng phòng phụ trách phòng KHDN A Chi nhánh Nam Đà Nẵng và ông Huỳnh K - Cán bộ pháp chế A Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Địa chỉ: 228 đường 2/9, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo

Giấy ủy quyền số 141/GUQ-NHNo.NĐN-KTNB ngày 16/02/2022). (Ông K có mặt).

* *Bị đơn:* Công ty TNHH M - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh D - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thu H - sinh năm: 1985 - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh T - sinh năm 1952 và bà Võ Thị Minh N - sinh năm 1953 - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh T và bà Võ Thị Minh N: Bà Huỳnh Thị Thu H - sinh năm: 1985 - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Công ty TNHH K - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh D - Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thu H - sinh năm: 1985 - Địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH M, là bị đơn và Bà Võ Thị Minh N, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* Đại diện Ngân hằng trình bày: Ngân hàng A- Chi nhánh Nam Đà Nẵng (gọi tắt là Ngân hàng) cho Công ty TNHH M vay vốn theo các Hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019 thỏa thuận mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng theo phương án sử dụng vốn gửi kèm; Tổng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn tối đa: 3.500.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức, thời hạn vay 36 tháng. Mức lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong hạn 9%/năm và sẽ được điều chỉnh theo định kỳ tối thiểu 3 tháng/1 lần vào ngày 1 của tháng 1, 4, 7, 10 hàng năm, thời gian điều chỉnh bắt đầu từ ngày 01/4/2019. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10% năm.

Hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201901826 ngày 10/12/2019 thỏa thuận mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Số tiền vay: 500.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng

lần, thời hạn vay 36 tháng. Mức lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong hạn 10%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10% năm.

Hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020, trong đó thỏa thuận toàn bộ dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019 được chuyển qua theo dõi tại hợp đồng này. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Hạn mức cấp tín dụng: 3.000.000.000 đồng. Thời gian của Hợp đồng tín dụng: 12 tháng, tính từ ngày ký kết hợp đồng này đến hết ngày 02/11/2021. Thời gian cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 10 tháng/1 lần nhận nợ. Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10% năm. Ngày 16/3/2021, các bên ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020 thỏa thuận sửa đổi nội dung hạn mức cấp tín dụng là 7.000.000.000 đồng. Ngân hàng chỉ giải ngân trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp được ghi nhận theo các hợp đồng bảo đảm tiền vay được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp.

Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là: thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H05667, do UBND quận T cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và Bà Võ Thị Minh N. Tài sản thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026 ngày 23/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026/01 ngày 16/3/2021.

Tài sản thế chấp nêu trên đang đồng thời bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH K, địa chỉ: 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0401414544 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/3/2011 tại các hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung trước và sau khi ký kết hợp đồng này, trong ó số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, Ngân hàng khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngân hàng đã thực hiện giải ngân các khoản vay cho Công ty TNHH M. Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng, đến ngày 31/3/2021 Công ty TNHH M

không thanh toán đúng thỏa thuận hạn trả lãi, gốc theo thỏa thuận. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc nhắc nhở và đã tạo điều kiện để Công ty trả nợ Ngân hàng nhưng Công ty vẫn không thanh toán khoản vay trên hiện nay đã bị quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH M phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/9/2022 là 5.349.642.299 đồng *(Năm tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm chín mươi chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 4.583.042.685 đồng; nợ lãi trong hạn là 576.941.179 đồng; nợ lãi quá hạn là 189.658.435 đồng.

Và phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, các Giấy nhận nợ Công ty TNHH M đã ký với Ngân hàng A cho đến khi thanh toán hết sợ nợ nói trên.

Trường hợp Công ty TNHH M không trả nợ cho Ngân hàng A thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H05667, do UBND quận T cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và bà Võ Thị Minh N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K, người đại diện của ông Huỳnh T và bà Võ Thị Minh N vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không có ý kiến về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Với nội dung vụ án như trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 117, 295, 296, 298, 299, 319, 320, 323; 463 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng A đối với Công ty TNHH M.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/9/2022 là 5.349.642.299 đồng *(Năm tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 4.583.042.685 đồng; nợ lãi trong hạn là 576.941.179 đồng; nợ lãi quá hạn là 189.658.435 đồng và lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 11/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019, số 2001-LAV-201901826 ngày 10/12/2019, số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020 và các Giấy nhận nợ cho đến khi tất toán khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH M không thanh toán được nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng A thì tài sản thế chấp là thửa đất số thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H05667, do UBND quận T cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và bà Võ Thị Minh N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026 ngày 23/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026/01 ngày 16/3/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng S sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH M phải chịu là 113.349.600 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.506.600 đồng theo biên lai thu số 0000735 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng Ngân hàng A tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng Ngân hàng A đã nộp đủ.

- Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cụ

thể là trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N không nhận được văn bản tố tụng nào của Tòa án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N bổ sung nội dung kháng cáo cụ thể: kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng, đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng cụ thể là trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N không nhận được văn bản tố tụng nào của Tòa án; khi khởi kiện Ngân hàng A chỉ khởi kiện đối với 02 Hợp đồng nhưng Tòa án đã giải quyết buộc Công ty TNHH M phải trả số tiền nợ của 03 Hợp đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N, giữ nguyên nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tại đơn kháng cáo Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N chỉ đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng cụ thể là trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N không nhận được văn bản tố tụng nào của Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N bổ sung nội dung kháng cáo cụ thể là kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, khi khởi

kiện Ngân hàng A chỉ khởi kiện đối với 02 Hợp đồng nhưng Tòa án đã giải quyết buộc Công ty TNHH M phải trả số tiền nợ của 03 Hợp đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

HĐXX xét thấy kháng cáo bổ sung của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng cụ thể là trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N không nhận được văn bản tố tụng nào của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt cho các đương sự bằng đường Bưu điện, tuy nhiên tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N trình bày không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án, HĐXX xét thấy tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2022 đại diện theo ủy quyền của ông T và bà N có mặt, hơn nữa vào ngày 31/8/2022 Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-KDTM ngày 30/8/2022 cho bà Huỳnh Thị Minh N để bà Nhu giao lại cho đại diện Công ty TNHH M, Công ty NHHH K và ông T, bà N. Như vậy, các đương sự đã biết việc khởi kiện của Ngân hàng nhưng không tham gia tố tụng nên lời trình bày của đại diện Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N là không có căn cứ.

Hơn nữa nếu có vi phạm thủ tục tố tụng như đại diện Công ty TNHH M trình bày cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, bởi lẽ nội dung vụ án vẫn có thể được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nếu bản án sơ thẩm có sai sót, do vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N.

[3] Đối với kháng cáo cho rằng khi khởi kiện Ngân hàng A chỉ khởi kiện đối với 02 Hợp đồng nhưng Tòa án đã giải quyết buộc Công ty TNHH M phải trả số tiền nợ của 03 Hợp đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Xét kháng cáo của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N thì thấy:

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng A yêu cầu Công ty TNHH M phải trả tiền vốn là 4.583.042.685 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201901826 ngày

10/12/2019 và hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020. Như vậy đối với số tiền gốc mà Ngân hàng A khởi kiện là không thay đổi, hơn nữa tại khoản 7 Điều 16 của hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201901826 ngày 10/12/2019 có thỏa thuận: *"Toàn bộ số dư nợ, số dư cam kết bảo lãnh, số dư phát hành L/C tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng này của hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019 được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng này"*, mặt khác hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019, hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201901826 ngày 10/12/2019 và hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020 cùng được đảm bảo bằng một tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH M trả số tiền nợ cho Ngân hàng A theo ba hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật dân sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện như đại diện Công ty TNHH M trình bày tại phiên tòa.

*** Về nội dung:**

Xét kháng cáo của của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N về nội dung vụ án thì thấy:

[4] Vào ngày 14/01/2019 Ngân hàng A - Chi nhánh Nam Đà Nẵng và Công ty TNHH M có ký hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 để Công ty TNHH M vay với hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn tối đa là 3.500.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 10/12/2019 Ngân hàng A - Chi nhánh Nam Đà Nẵng và Công ty TNHH M có ký hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201901826 để Công ty TNHH M vay với hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn tối đa là 500.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 02/11/2020 Ngân hàng A - Chi nhánh Nam Đà Nẵng và Công ty TNHH M có ký hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-202001166 để Công ty TNHH M vay với hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn tối đa là 7.000.000.000 đồng.

[5] Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312 do UBND quận T cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và Bà Võ Thị Minh N. Thủ tục thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026 ngày 23/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số2001-LCL-202001026/01 ngày 16/3/2021.

[6] Sau khi ký kết các hợp đồng Công ty TNHH M đã giải ngân tổng số tiền là 4.583.042.685 đồng. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng Công ty TNHH M chưa trả tiền gốc được đồng nào và đã trả tiền lãi hết ngày 28/02/2021, mặc dù đã được Ngân hàng A đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần, như vậy Công ty TNHH M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc Công ty TNHH M phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/9/2022 là 5.349.642.299 đồng *(Năm tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 4.583.042.685 đồng; nợ lãi trong hạn là 576.941.179 đồng; nợ lãi quá hạn là 189.658.435 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Về xử lý tài sản thế chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và Bà Võ Thị Minh N trong trường hợp Công ty TNHH M vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Tuy nhiên, tài sản thế chấp nêu trên đang đồng thời bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH K theo các hợp đồng tín dụng với số nợ gốc là 3.000.000.000 đồng. HĐXX xét thấy lẽ ra khi giải quyết vụ án đối với Công ty TNHH M Tòa án giải quyết luôn khoản nợ đối với Công ty TNHH K và xử lý tài sản thế chấp trong cùng vụ án mới đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, đối với cả hai vụ án thì Nguyên đơn cùng là Ngân hàng A, trong quá trình giải quyết Ngân hàng A cam kết sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ đồng thời yêu cầu thi hành 02 bản án nên HĐXX thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm cũng đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH M và Võ Thị Minh N mà cần giữ nguyên nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên Công ty TNHH M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.349.600 đồng.

[9.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty trách nhiệm hữu hạn nội thất M và bà Võ Thị Minh N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bà Võ Thị Minh N là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho bà Võ Thị Minh N.

[9] Về án phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng Ngân hàng A tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 117, 295, 296, 298, 299, 319, 320, 323; 463 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M và bà Võ Thị Minh N. Giữ nguyên nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng A đối với Công ty TNHH M.

1. Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/9/2022 là 5.349.642.299 đồng *(Năm tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 4.583.042.685 đồng; nợ lãi trong hạn là 576.941.179 đồng; nợ lãi quá hạn là 189.658.435 đồng.

Lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 11/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201900136 ngày 14/01/2019, số 2001-LAV-201901826 ngày 10/12/2019, số 2001-LAV-202001166 ngày 02/11/2020 và các Giấy nhận nợ cho đến khi tất toán khoản nợ.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH M không thanh toán được nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng A thì tài sản thế chấp là thửa đất số thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08, địa chỉ 22 đường V, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI332312 do UBND quận T cấp ngày 22/3/2007 cho ông Huỳnh T và bà Võ Thị Minh N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026 ngày 23/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001-LCL-202001026/01 ngày 16/3/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng S sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu là 113.349.600 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.506.600 đồng theo biên lai thu số 0000735 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH M phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006221 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho bà Võ Thị Minh N.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng Ngân hàng A tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi xong).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng